

Số: 27/2021/QĐST- HNGĐ

Kon Rẫy, ngày 03 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ, về việc “*ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh A Kh, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn 04, xã Tân L, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Chị Y N, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn 04 xã Tân L, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/11/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh A Kh và chị Y N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh A Kh và chị Y N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 01 con chung, cháu Y Th sinh ngày 29 tháng 9 năm 2018. Anh A Kh và chị Y N thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, thì giao con chung cháu Y Thu cho chị Y N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh A Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đ (năm trăm nghìn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu vào ngày 10 tháng 12 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về lãi suất chậm trả của số tiền cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh A Kh có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh A Kh và chị Y N mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh A Kh nhận chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm thay cho chị Y N.

Về án phí cấp dưỡng: Anh A Kh phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh A Kh và chị Y N. Tổng cộng anh A Kh phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh A Kh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003776 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Anh A Kh đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSPA.

THẨM PHÁN

